ĐỐI CHIẾU CẤU TRÚC CÚ PHÁP TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG TRUNG QUỐC TỪ GÓC ĐỘ TIẾP THU NGÔN NGỮ THỨ HAI

Ngô Văn Khánh
Học viện An ninh nhân dân

Tóm tắt: *Đối chiếu các đặc điểm cú pháp tiêu biểu của tiếng Việt và tiếng Trung Quốc, tập trung vào những điểm tương đồng và khác biệt có ảnh hưởng đến quá trình tiếp thu tiếng Trung của người học Việt Nam. Trên cơ sở ngôn ngữ học đối chiếu, lý thuyết chuyển di, ngôn ngữ trung gian và phân tích lỗi, nghiên cứu làm rõ khả năng chuyển di tích cực, chuyển di tiêu cực và những khó khăn cú pháp thường gặp trong quá trình học tiếng Trung Quốc. Từ đó đưa ra định hướng sư phạm nhằm hỗ trợ giáo viên, giáo trình, thiết kế bài tập và người học nâng cao hiệu quả dạy và học tiếng Trung Quốc tại Việt Nam.*

Từ khóa: *Đối chiếu; Tiếng Việt; Tiếng Trung; Cấu trúc ngữ pháp*

A CONTRASTIVE ANALYSIS OF VIETNAMESE AND CHINESE SYNTACTIC STRUCTURES FROM THE PERSPECTIVE OF SECOND LANGUAGE ACQUISITION

Abstract: *This study provides a contrastive analysis of representative syntactic features of Vietnamese and Chinese, focusing on the similarities and differences that influence Vietnamese learners' acquisition of Chinese. Drawing on contrastive linguistics, language transfer theory, interlanguage theory, and error analysis, the study examines positive and negative transfer as well as common syntactic difficulties encountered by Vietnamese learners in the process of learning Chinese. Based on these findings, the study proposes pedagogical implications to support teachers, textbook development, exercise design, and learners in improving the effectiveness of Chinese language teaching and learning in Vietnam.*

Keywords: *Contrastive analysis; Vietnamese; Chinese; Syntactic structure*

Nhận bài: 21/07/2026 *Phản biện: 21/08/2026* *Duyệt đăng: 24/08/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tiếng Việt và tiếng Trung Quốc đều thuộc nhóm ngôn ngữ đơn lập, có nhiều đặc điểm tương đồng về phương thức cấu tạo và tổ chức câu, trong đó trật tự từ giữ vai trò quan trọng trong việc biểu đạt quan hệ cú pháp và ý nghĩa ngữ pháp. Tuy nhiên, bên cạnh những điểm tương đồng, hai ngôn ngữ vẫn tồn tại những khác biệt đáng kể về trật tự và vị trí của các thành phần câu, cấu trúc định ngữ, trạng ngữ, bổ ngữ, lượng từ, hư từ cũng như phương thức biểu đạt thời – thể. Những tương đồng và khác biệt này có thể tác động trực tiếp đến quá trình người Việt tiếp thu tiếng Trung Quốc với tư cách một ngôn ngữ thứ hai.

Từ góc độ tiếp thu ngôn ngữ thứ hai, sự tương đồng giữa ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ đích có thể tạo điều kiện cho chuyển di tích cực, giúp người học hình thành và vận dụng một số cấu trúc tiếng Trung Quốc tương đối thuận lợi. Ngược lại, những khác biệt về cấu trúc có thể dẫn đến chuyển di tiêu cực, biểu hiện qua các lỗi cú pháp trong quá trình tiếp nhận và sản sinh ngôn ngữ. Do đó, đối chiếu cú pháp Việt–Trung không chỉ góp phần làm rõ đặc điểm cấu trúc của hai ngôn ngữ mà còn có ý nghĩa trong việc giải thích những khó khăn đặc thù của người học Việt Nam.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lí luận làm cơ sở nghiên cứu

Trước hết, ngôn ngữ học đối chiếu được sử dụng làm cơ sở để xác định và phân tích những điểm tương đồng, khác biệt giữa hai ngôn ngữ trên bình diện cú pháp. Việc đối chiếu tập trung vào các cấu trúc tương ứng trong cùng một thời điểm, xem xét cả sự tương đồng về hình thức, tương đồng về chức năng và khác biệt về cấu trúc. Những tương đồng có thể tạo thuận lợi cho người học trong quá trình tiếp nhận ngôn ngữ đích, trong khi những khác biệt có khả năng trở thành nguồn gây khó khăn và dẫn đến lỗi. Tuy nhiên, các dự báo từ phân tích đối chiếu chỉ được xem là giả thuyết ban đầu và cần được kiểm chứng bằng dữ liệu ngôn ngữ thực tế của người học.

Trên nền tảng đó, lý thuyết chuyển di ngôn ngữ được vận dụng để giải thích cơ chế tác động của tiếng Việt đối với việc tiếp thu tiếng Trung Quốc. Chuyển di tích cực xảy ra khi những điểm tương đồng giữa hai ngôn ngữ hỗ trợ người học hình thành và sử dụng đúng cấu trúc của ngôn ngữ đích; ngược lại, chuyển di tiêu cực xuất hiện khi người học vận dụng các quy tắc hoặc mô hình cú pháp của tiếng Việt vào những ngữ cảnh mà tiếng Trung Quốc có cách tổ chức khác biệt. Hiện tượng giao thoa cú pháp vì vậy được xem là một biểu

hiện cụ thể của ảnh hưởng tiếng mẹ đẻ trong quá trình sản sinh ngôn ngữ thứ hai.

Từ quan điểm tiếp thu ngôn ngữ thứ hai, trong đó người học từng bước hình thành một hệ thống ngôn ngữ trung gian (interlanguage). Hệ thống này mang tính động, liên tục được điều chỉnh dưới tác động của đầu vào ngôn ngữ, quá trình học tập, nhận thức và kinh nghiệm giao tiếp. Trong quá trình đó, tiếng Việt có thể trở thành nguồn tham chiếu quan trọng, đặc biệt khi người học chưa nắm vững các quy tắc cú pháp của tiếng Trung Quốc. Vì vậy, lỗi cú pháp không chỉ được xem là biểu hiện của sự thiếu chính xác mà còn là dữ liệu phản ánh quá trình hình thành và phát triển hệ thống ngôn ngữ trung gian của người học.

Cuối cùng, phân tích lỗi được sử dụng để kiểm chứng những dự báo được hình thành từ đối chiếu Việt–Trung và xác định mức độ ảnh hưởng thực tế của tiếng Việt. Quá trình phân tích bao gồm thu thập dữ liệu, nhận diện và phân loại lỗi, xác định nguyên nhân, đối chiếu lỗi với cấu trúc tiếng Việt, giải thích cơ chế hình thành và đánh giá mức độ liên quan đến chuyển di ngôn ngữ.

2.2. Đối chiếu cấu trúc cú pháp Việt - Trung

2.2.1. Trật tự thành phần câu

Tiếng Việt và tiếng Trung Quốc đều có xu hướng sử dụng trật tự S + V + O làm cấu trúc cơ bản, tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt tiếp thu tiếng Trung Quốc. Tuy nhiên, sự tương đồng này không hoàn toàn đồng nhất ở mọi cấu trúc. Khác biệt về vị trí các thành phần phụ có thể khiến người học chuyển nguyên mẫu cú pháp tiếng Việt sang tiếng Trung, từ đó phát sinh lỗi. Vì vậy, cần phân biệt tương đồng hình thức với tương đồng chức năng.

2.2.2. Vị trí của trạng ngữ

Trạng ngữ là một trong những khu vực dễ xuất hiện chuyển di cú pháp. Trong tiếng Việt, trạng ngữ thời gian, địa điểm và cách thức có khả năng đứng ở nhiều vị trí tương đối linh hoạt; trong tiếng Trung Quốc, vị trí của trạng ngữ thường chịu những quy tắc chặt chẽ hơn, đặc biệt trong quan hệ với chủ ngữ và động từ. Sự khác biệt này có thể dẫn đến lỗi về trật tự từ. Nghiên cứu cần đối chiếu trạng ngữ thời gian, địa điểm, cách thức, phạm vi và tần suất để xác định các mô hình dễ gây nhầm lẫn.

2.2.3. Định ngữ và cấu trúc trung tâm

Cấu trúc định ngữ cho thấy sự tương đồng nhưng cũng có những khác biệt đáng chú ý giữa hai ngôn ngữ. Tiếng Trung Quốc thường sử dụng cấu trúc định ngữ + trung tâm, với trợ từ kết cấu "的" trong nhiều trường hợp, trong khi tiếng Việt có những phương thức biểu đạt quan hệ định ngữ khác nhau. Việc đối chiếu cần tập trung vào vị trí định ngữ, quan hệ với trung tâm và điều kiện sử dụng "的", qua đó dự báo khả năng người học bỏ, thêm hoặc sử dụng sai thành phần này.

2.2.4. Bổ ngữ

Hệ thống bổ ngữ là một trong những điểm có khả năng tạo khó khăn đáng kể đối với người Việt học tiếng Trung Quốc. Nghiên cứu tập trung đối chiếu bổ ngữ kết quả, bổ ngữ khả năng, bổ ngữ mức độ, bổ ngữ xu hướng và bổ ngữ thời lượng. Mặc dù tiếng Việt cũng có những phương tiện biểu đạt các ý nghĩa tương ứng, cách thức tổ chức và vị trí của chúng trong câu không hoàn toàn giống tiếng Trung Quốc. Do đó, người học có thể vận dụng mô hình tiếng Việt để tạo lập câu tiếng Trung chưa phù hợp. Việc phân tích cần làm rõ sự tương ứng về chức năng và khác biệt về hình thức, từ đó xác định những cấu trúc có nguy cơ chuyển di tiêu cực cao.

2.2.5. Câu có cấu trúc "把"

Cấu trúc "把" là một đặc điểm cú pháp quan trọng của tiếng Trung Quốc và thường gây khó khăn cho người học Việt Nam. Nghiên cứu phân tích điều kiện sử dụng, vị trí của "把", tân ngữ, động từ và các thành phần đứng sau động từ. Do tiếng Việt không có cấu trúc hoàn toàn tương ứng về hình thức, người học có thể gặp khó khăn trong việc xác định phạm vi và điều kiện sử dụng. Dữ liệu lỗi sẽ được sử dụng để đánh giá mức độ ảnh hưởng của chuyển di tiếng mẹ đẻ.

2.2.6. Câu bị động

Cấu trúc bị động trong tiếng Việt và tiếng Trung Quốc có những điểm tương đồng về chức năng nhưng khác biệt về phương thức biểu đạt. Tiếng Trung Quốc sử dụng các cấu trúc như "被", trong khi tiếng Việt có thể sử dụng "bị", "được" hoặc những phương thức biểu đạt không đánh dấu hình thức. Nghiên cứu tập trung đối chiếu vị trí chủ thể chịu tác động, tác thể và động từ, qua đó xác định những lỗi có thể xuất hiện do chuyển di cú pháp.

2.2.7. Câu liên động và câu kiêm ngữ

Câu liên động và câu kiêm ngữ thể hiện những đặc điểm quan trọng trong tổ chức quan hệ giữa các động từ tiếng Trung Quốc. Nghiên cứu đối chiếu cấu trúc, quan hệ giữa các hành động, chủ thể của từng động từ và phương thức biểu đạt tương ứng trong tiếng Việt. Những khác biệt này

có thể khiến người học sử dụng sai trật tự động từ hoặc xác định không chính xác quan hệ cú pháp giữa các thành phần.

2.2.8. Biểu đạt thời – thể

Tiếng Việt và tiếng Trung Quốc đều không dựa chủ yếu vào biến đổi hình thái của động từ để biểu đạt thời – thể mà sử dụng nhiều phương tiện ngữ pháp và ngữ cảnh. Tuy nhiên, tiếng Trung Quốc có hệ thống trợ từ động thái như "了", "过", "着", kết hợp với phó từ thời gian và các thành phần khác theo những quy tắc riêng. Nghiên cứu cần làm rõ sự khác biệt về chức năng, vị trí và phạm vi sử dụng của các phương tiện này, đồng thời khảo sát khả năng người học áp dụng trực tiếp cách biểu đạt thời gian của tiếng Việt vào tiếng Trung Quốc.

2.2.9. Hư từ và phó từ

Hư từ và phó từ giữ vai trò quan trọng trong việc xác định ý nghĩa và cấu trúc câu tiếng Trung Quốc. Sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ về vị trí, chức năng và phạm vi tác động có thể tạo ra nhiều lỗi trong sản phẩm ngôn ngữ của người học. Vì vậy, nghiên cứu tập trung xác định những hư từ và phó từ có tần suất lỗi cao, phân tích nguyên nhân và đánh giá mức độ liên quan giữa lỗi với chuyển di từ tiếng Việt.

Nhìn tổng thể, việc đối chiếu các bình diện trên nhằm xác định một cách có hệ thống những tương đồng tạo thuận lợi và khác biệt có khả năng gây chuyển di tiêu cực trong quá trình người Việt tiếp thu tiếng Trung Quốc. Kết quả đối chiếu đồng thời là cơ sở để xây dựng các giả thuyết nghiên cứu và kiểm chứng bằng dữ liệu ngôn ngữ thực tế của người học.

2.3. Định hướng trong dạy và học tiếng Trung Quốc

Kết quả đối chiếu cấu trúc cú pháp tiếng Việt và tiếng Trung Quốc cho thấy những điểm tương đồng giữa hai ngôn ngữ có thể tạo thuận lợi cho quá trình tiếp thu, trong khi những khác biệt về trật tự từ, vị trí thành phần câu, bổ ngữ, hư từ và các cấu trúc đặc biệt có khả năng dẫn đến chuyển di tiêu cực. Vì vậy, các phát hiện không chỉ có giá trị về mặt lý luận mà còn cung cấp cơ sở để điều chỉnh hoạt động dạy và học tiếng Trung Quốc theo hướng phù hợp hơn với đặc điểm của người học Việt Nam.

2.3.1. Đối với giáo viên

Đối với giáo viên, việc nhận diện trước những cấu trúc có nguy cơ gây chuyển di tiêu cực là cơ sở quan trọng để tổ chức hoạt động giảng dạy có trọng tâm. Thay vì chỉ cung cấp quy tắc cú pháp của tiếng Trung Quốc, giáo viên cần chỉ rõ sự tương đồng và khác biệt giữa cấu trúc tiếng Trung và cấu trúc tương ứng trong tiếng Việt. Đặc biệt, đối với những nội dung dễ phát sinh lỗi như vị trí trạng ngữ, bổ ngữ, cấu trúc "把", "被", trợ từ "了", "过", "着" và một số hư từ, giáo viên nên sử dụng phương pháp đối chiếu để giúp người học nhận thức rõ sự khác biệt về hình thức và chức năng. Bên cạnh đó, lỗi của người học cần được xem như nguồn dữ liệu phản ánh quá trình hình thành ngôn ngữ trung gian, từ đó giáo viên có thể xác định nguyên nhân và lựa chọn cách sửa lỗi phù hợp, thay vì chỉ cung cấp đáp án đúng.

2.3.2. Đối với giáo trình

Đối với giáo trình tiếng Trung Quốc dành cho người Việt, kết quả nghiên cứu gợi ý cần tăng cường nguyên tắc thiết kế nội dung dựa trên đặc điểm chuyển di giữa hai ngôn ngữ. Các cấu trúc có mức độ tương đồng cao có thể được giới thiệu theo hướng khai thác chuyển di tích cực, trong khi những cấu trúc có sự khác biệt lớn cần được trình bày rõ ràng, có hệ thống và đi kèm ví dụ đối chiếu. Một đơn vị bài học có thể được xây dựng theo chuỗi: Cấu trúc tiếng Việt → điểm khác biệt trong tiếng Trung Quốc → lỗi dự kiến → bài tập nhận diện → bài tập thực hành → nhiệm vụ sản sinh. Cách tổ chức này giúp người học nhận thức được nguyên nhân của lỗi, thay vì chỉ ghi nhớ máy móc cấu trúc ngôn ngữ đích. Đồng thời, giáo trình nên ưu tiên những cấu trúc có tần suất sử dụng cao và có mức độ gây khó khăn lớn đối với người học Việt Nam.

2.3.3. Đối với thiết kế bài tập

Thiết kế bài tập cần chuyển từ mục tiêu ghi nhớ quy tắc sang phát triển khả năng nhận diện, phân biệt và vận dụng cấu trúc trong ngữ cảnh. Trước hết, có thể sử dụng bài tập phân biệt nhằm giúp người học nhận diện sự khác nhau giữa các cấu trúc tương ứng trong tiếng Việt và tiếng Trung Quốc. Tiếp theo, bài tập sửa lỗi giúp người học phát hiện và giải thích nguyên nhân của lỗi cú pháp. Bài tập chuyển đổi câu và dịch Việt–Trung có thể được sử dụng để kiểm tra khả năng vận dụng cấu trúc trong quá trình sản sinh. Ở giai đoạn cao hơn, cần kết hợp nhiệm vụ giao tiếp có kiểm soát với nhiệm vụ sản sinh tự do, qua đó đánh giá khả năng sử dụng cấu trúc trong ngữ cảnh thực tế. Hệ thống bài tập vì vậy cần được thiết kế theo mức độ tăng dần từ nhận biết, kiểm soát đến vận dụng và giao tiếp.

2.3.4. Đối với người học

Đối với người học, hàm ý quan trọng nhất là nâng cao nhận thức ngôn ngữ về mối quan hệ giữa tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ đích. Người học cần nhận biết rằng sự tương đồng giữa tiếng Việt và tiếng Trung Quốc có thể hỗ trợ quá trình học, nhưng không phải mọi cấu trúc tương tự về hình thức đều có cách sử dụng giống nhau. Đặc biệt, người học cần hạn chế xu hướng chuyển trực tiếp cấu trúc tiếng Việt sang tiếng Trung Quốc khi chưa xác định được sự tương ứng về chức năng và ngữ cảnh. Việc thường xuyên đối chiếu hai ngôn ngữ, tự phát hiện và phân loại lỗi, ghi nhận những cấu trúc dễ nhầm lẫn và chủ động thực hành trong nhiều ngữ cảnh có thể góp phần hình thành hệ thống ngôn ngữ trung gian ổn định hơn. Qua đó, người học từng bước giảm sự phụ thuộc máy móc vào tiếng Việt và nâng cao khả năng sử dụng tiếng Trung Quốc một cách chính xác, linh hoạt và phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp.

III. KẾT LUẬN

"Đối chiếu cấu trúc cú pháp tiếng Việt và tiếng Trung Quốc từ góc độ tiếp thu ngôn ngữ thứ hai" cho thấy sự tương đồng và khác biệt giữa hai ngôn ngữ có ảnh hưởng đáng kể đến quá trình người Việt tiếp thu tiếng Trung Quốc. Những tương đồng về trật tự câu cơ bản, phương thức tổ chức ngữ pháp của các ngôn ngữ đơn lập có thể tạo điều kiện cho chuyển di tích cực; ngược lại, những khác biệt về vị trí trạng ngữ, định ngữ, bổ ngữ, cấu trúc "把", "被", biểu đạt thời – thể, hư từ và phó từ có thể trở thành nguồn gây chuyển di tiêu cực và lỗi cú pháp. Từ góc độ tiếp thu ngôn ngữ thứ hai, các hiện tượng này phản ánh sự tương tác giữa tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ đích và hệ thống ngôn ngữ trung gian của người học.

Việc kết hợp ngôn ngữ học đối chiếu, lý thuyết chuyển di và phân tích lỗi cho phép nhận diện không chỉ biểu hiện mà còn cơ chế hình thành lỗi. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất tăng cường đối chiếu Việt–Trung trong giảng dạy, điều chỉnh nội dung giáo trình và thiết kế bài tập theo hướng nhận diện, sửa lỗi và vận dụng trong ngữ cảnh. Những định hướng này góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học tiếng Trung Quốc, đồng thời khẳng định giá trị thực tiễn của nghiên cứu cú pháp đối chiếu đối với giáo dục ngôn ngữ tại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Lado, R. (1957). Linguistics Across Cultures: Applied Linguistics for Language Teachers. Ann Arbor: University of Michigan Press.

Odlin, T. (1989). Language Transfer: Cross-Linguistic Influence in Language Learning. Cambridge: Cambridge University Press.

Đặng Thế Khánh / 邓世俊 (2008). 越南语与汉语比较句的对比研究. 南京师范大学.

Nguyễn Hoàng Anh (2014). "以汉语‘读、写’和越南语‘đọc、viết’为组成成分的动名组合对比分析". VNU Journal of Foreign Studies, 30(1).

Nguyễn Hoàng Anh & Lê Xuân Thại (2018). "Comparative Constructions in Chinese (in Contrast to Vietnamese)." Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài, 34(1).

.